TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2018
"V/v tranh chấp xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Vũ**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Lê Văn Lâu**
2. Bà **Đoàn Thị Thoa**
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Âu Thị Thảo** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang*** *không tham gia phiên toà.*
Ngày 31 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 306/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 về "tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2018/QĐXX-ST ngày 22 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:
1. Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị Tuyết T** sinh năm: 1982
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Trịnh Hữu B** là Luật sư của Văn phòng luật sư X thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. Địa chỉ: phường M, quận N, thành phố Cần Thơ.
2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Q** sinh năm: 1984
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang

(Chị T, ông B có mặt, anh Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 06 tháng 4 năm 2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn là chị Đỗ Thị Tuyết T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q có quan hệ tình cảm với người khác nên chị và anh Q sống ly thân với nhau từ đó đến nay không có hàn gắn tình cảm. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Q nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung: chị và anh Q có 01 con chung tên Nguyễn Quy A, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2012 hiện đang sống với chị. Nay chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu

anh Q cấp dưỡng nuôi con theo quy định đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn Q đã được Tòa án tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng anh Q không có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại phiên tòa chị T yêu cầu ly hôn với anh Q, yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi, về tài sản chung và nợ chung: chị không yêu cầu. Anh Q đã được Tòa án nhân dân huyện Cái Bè triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Q là phù hợp điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Đỗ Thị Tuyết T và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2008 đến ngày 06 tháng 7 năm 2010 được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Q được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên trong quá trình chung sống theo chị T trình bày thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Q có quan hệ tình cảm với người khác nên chị và anh Q không còn chung sống với nhau từ năm 2013 đến nay không có hàn gắn tình cảm. Còn anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do chứng tỏ anh Q không còn quan tâm đến quan hệ vợ chồng cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị T ly hôn với anh Q là phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị T và anh Q có 01 con chung tên Nguyễn Quy A, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2012 hiện đang sống với chị T, nay chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Anh Q vắng mặt nên không có ý kiến về việc nuôi con chung. Xét thấy cháu A hiện đang sống với chị T đã lâu dài và ổn định, cần tránh sự xáo trộn cuộc sống của cháu A do đó giao cháu A cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: chị T yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh Q vắng mặt nên không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị T đưa ra mức cấp dưỡng nuôi con như chị trình bày nhưng không chứng minh được mức thu nhập của anh Q để Hội đồng xét xử xem xét. Tuy nhiên chi phí thực tế cho việc nuôi dạy, chăm sóc cháu A tính theo quy định là ½ mức lương cơ bản là thấp hơn nhiều so với thực tế, do đó cần điều chỉnh lại mức cấp dưỡng mà anh Q phải cấp dưỡng nuôi cháu A là 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Trịnh Hữu B cho rằng chị T và anh Q chung sống với nhau có đăng ký kết hôn phù hợp pháp luật nhưng trong quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn do anh Q có quan hệ tình cảm với người khác, chị T có hàn gắn tình cảm nhưng không được cho thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị cho chị T được ly hôn với anh Q. Về con chung: Luật sư đề nghị cho chị T được nuôi con vì cháu A hiện đang sống với chị T và đề nghị buộc anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng vì chi phí thực tế cho việc nuôi cháu A mỗi tháng từ 05 đến 06 triệu đồng. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên chị T không yêu cầu. Xét lời đề nghị của Luật sư là có cơ sở một phần như nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần đề nghị của Luật sư.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị Tuyết T và anh Nguyễn Văn Q.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao 01 con chung tên Nguyễn Quy A, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2012 cho chị Đỗ Thị Tuyết T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2 Buộc anh Nguyễn Văn Q cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.3 Anh Q được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nếu anh Q lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với anh Q.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Q chậm thi hành đối với việc cấp dưỡng nuôi con như trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí:

4.1 Chị Đỗ Thị Tuyết T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo

biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 08580 ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C; chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4.2 Anh Nguyễn Văn Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với anh Q thời hạn kháng cáo trên được tính kể từ ngày được Tòa án tống đạt bản án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Vũ